

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 31/3/2025.

“V/v: Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM – TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thùy Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tạ Văn Đài

Ông Doãn Đức Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1072/2024/TLST-HNGĐ ngày 13/11/2024 về việc “Ly hôn, nuôi con chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1995

- Bị đơn: Ông Phạm Văn S, sinh năm 1989

Cùng trú tại: ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải - bà Nguyễn Thị H, trình bày:

Bà và ông Phạm Văn S tự nguyện tìm hiểu nhau, có đi đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình cấp giấy chứng nhận số 70 ngày 23/11/2013.

Thời gian chung sống ban đầu hạnh phúc, khoảng đến năm 2020, 2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng trong sinh hoạt hằng ngày, ông S bị áp lực kinh tế, tiền bạc từ đó thường xuyên cãi vã, cho rằng bà không phụ giúp được gì, có những lời lẽ xúc phạm bà, nhiều lần ông S đề xuất ly hôn nhưng do con còn nhỏ nên bà kìm nén, nhẫn nhịn. Tuy nhiên thời gian sau này mâu thuẫn vẫn tiếp diễn và ngày càng trầm trọng hơn kéo dài đến nay, giữa vợ chồng không có sự chia

sẻ, thấu hiểu cho nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu ly hôn với ông S. Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà do bận công việc.

Về con chung: Bà và ông S có 02 con chung là cháu Phạm Nguyễn Sơn L, sinh ngày 14/9/2014 và cháu Phạm Nguyễn Lâm P, sinh ngày 19/10/2016. Khi ly hôn, bà đồng ý để ông S nuôi hai con và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đ/tháng/1 con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải – ông Phạm Văn S, trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị H có chung sống tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình vào ngày 23/11/2013. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2020 thì mâu thuẫn giữa vợ chồng xảy ra, thường hay cãi vã, do ông bị áp lực kinh tế nên đôi lúc nóng giận có xúc phạm vợ và có nói đến việc ly hôn. Tuy ông nhiều lần nói chuyện và xin lỗi nhưng không thuyết phục được bà H quay về đoàn tụ. Ông không muốn ly hôn vì còn thương vợ, con. Do bận công việc nên ông yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung là cháu Phạm Nguyễn Sơn L, sinh ngày 14/9/2014 và cháu Phạm Nguyễn Lâm P, sinh ngày 19/10/2016. Trường hợp phải ly hôn thì ông đồng ý nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách đương sự và việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận các văn bản tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng được bảo đảm quyền lợi và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án: Quá trình chung sống giữa bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn S đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không có tiếng nói chung, cãi vã xúc phạm nhau, không chia sẻ, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho bà H được ly hôn với ông S; Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Phạm Nguyễn Sơn L, sinh ngày 14/9/2014 và cháu Phạm Nguyễn Lâm P, sinh ngày 19/10/2016 cho ông S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Bà H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 4.000.000đ/1con. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không đặt ra giải quyết. Về án phí: Bà H phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phạm Văn S cư trú tại ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ

luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

[1.2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt*: Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Phạm Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình vào ngày 23/11/2013 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Theo trình bày của đương sự tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải thì thấy: bà H và ông S thừa nhận cuộc sống chung có phát sinh mâu thuẫn trong sinh hoạt hằng ngày, vợ chồng không có tiếng nói chung, không chia sẻ, thấu hiểu với nhau. Ông S bị áp lực kinh tế nên xảy ra cãi vã, cho rằng bà H không phụ giúp được gì, nhiều lần nóng giận xúc phạm vợ và đề xuất ly hôn. Mâu thuẫn chưa được giải quyết dứt điểm nên kéo dài và ngày càng trầm trọng. Tuy ông S còn tình cảm với vợ con nên không đồng ý ly hôn nhưng ông không thuyết phục được bà H hàn gắn quan hệ vợ chồng cũng như không đưa ra biện pháp nào để hóa giải mâu thuẫn.

Ngoài ra, biên bản xác minh về tình trạng quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông S tại Ủy ban nhân dân xã Đ (BL 21), thể hiện: Địa phương không nắm được và cũng không nhận được đơn yêu cầu hòa giải đoàn tụ vợ chồng. Khi xảy ra mâu thuẫn, các đương sự tự giải quyết với nhau mà không nhờ chính quyền địa phương can thiệp, hòa giải nên tình trạng mâu thuẫn kéo dài và không khắc phục được.

Do đó, cần xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông S là có thật, ông bà không tìm được tiếng nói chung, hôn nhân đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

[2.2]. Về con chung: Bà H và ông S có 02 con chung là cháu Phạm Nguyễn Sơn L, sinh ngày 14/9/2014 và cháu Phạm Nguyễn Lâm P, sinh ngày 19/10/2016. Ông S và bà H thống nhất nếu ly hôn, ông S được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung là phù hợp, vì: ông bà đều có công việc và thu nhập ổn định và cũng phù hợp với nguyện vọng của các con. Tuy ông S không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nhưng bà H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000đ/1con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động nên cần ghi nhận do việc cấp dưỡng này đảm bảo quyền lợi của con chung.

[2.3]. Về tài sản chung: Bà H và ông S không yêu cầu giải quyết.

[2.4]. Về nợ chung: Bà H và ông S trình bày không có nên không đặt ra xem xét.

[3]. Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

[4]. Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 147, 220, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H.

1. Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Phạm Văn S.

2. Về con chung:

Giao cháu Phạm Nguyễn Sơn L, sinh ngày 14/9/2014 và cháu Phạm Nguyễn Lâm P, sinh ngày 19/10/2016 cho ông Phạm Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông S mỗi tháng là 4.000.000đ (bốn triệu đồng)/1 con, kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động.

Kể từ ngày ông Phạm Văn S có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng, nếu bà Nguyễn Thị H chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Bà Nguyễn Thị H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000211 ngày 12/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà H còn phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Báo cho bà H và ông S biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND xã Lưu Phương, H. Kim Sơn
- Tỉnh Ninh Bình
- (GCNKH số 70 ngày 23/11/2013)
- VKSND H.Trảng Bom;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- CC.THADS H.Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Đỗ Thùy Dung